

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-PT

Ngày: 12-01-2022

V/v: Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật; Yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình; Kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diệu

Các Thẩm phán:

Bà Ngô Thị Trang

Bà Ninh Thị Kiều Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hồng Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2021/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc “*Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật; Yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình; Kiện đòi tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐ-PT ngày 01/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐ-PT ngày 05/01/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hứa Thanh K

- Luật sư Văn phòng luật sư Y, Đoàn luật sư tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

Địa chỉ: Số X đường N, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm: 1971 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. NLQ1, sinh năm: 1977 (vắng mặt);

3.2. NLQ2, sinh năm: 1979 (vắng mặt);

3.3. NLQ3, sinh năm: 1981 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3.4. NLQ4, sinh năm: 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3.5. Những người thừa kế của ông Nguyễn Thanh T1

3.5.1. NLQ5, sinh năm: 1999 (vắng mặt);

3.5.2. NLQ6, sinh năm: 2005 (vắng mặt);

Đại diện hợp pháp của NLQ6: Bà A, sinh năm: 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

4.1. NLQ7, sinh năm: 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số Z đường Đ, thành phố T, tỉnh Khánh Hòa.

4.2. NLQ8, sinh năm: 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NLQ7 ủy quyền cho NLQ8 tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền ngày 04/7/2018).

5. Người kháng cáo: NLQ3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Cha ông tên Nguyễn Thanh V; mẹ ông tên Nguyễn Thị Đ. Cha mẹ ông sinh được 10 người con gồm: Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thanh T1, NLQ1, NLQ2, NLQ3, Nguyễn Thanh T, NLQ7, NLQ4, NLQ8, Nguyễn Thị Thu H (Bà H chết ngày 29/9/1990, khi mới được 01 tuổi).

Cha mẹ ông không có con nuôi, không có con riêng. Mẹ ông chết ngày 14/7/2002, cha ông chết ngày 16/11/2017, trước khi chết cha mẹ ông không lập di chúc.

Ông Nguyễn Thanh T1 chết ngày 21/3/2017, có vợ là bà A và 02 người con là NLQ5, sinh ngày 21/9/1999 và NLQ6, sinh ngày 19/10/2005. Vợ chồng ông T1, bà A không có con nuôi, không có con riêng. Trước khi chết, ông Nguyễn Thanh T1 không lập di chúc.

Quá trình sống chung, cha mẹ ông có tạo lập được một số tài sản sau:

- Thừa đất số 149, diện tích 720m².
- Thừa đất số 150, diện tích 608m².

Cả hai thửa đất trên đều tọa lạc thôn L, xã H và đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2004 cho hộ ông Nguyễn Thanh V.

- Thừa đất số 784, diện tích 1.460m².
- Thừa đất số 785, diện tích 1.360m².

(Nay là thửa đất số 529, diện tích 1.316m² và thửa đất số 579, diện tích 2.856m²)

Nguồn gốc hai thửa đất 784, 785 là do Hợp tác xã giao khoán cho hộ gia đình cha mẹ ông, tại thời điểm giao khoán hộ gia đình cha mẹ ông gồm có: cha ông Nguyễn Thanh V, mẹ ông Nguyễn Thị Đ và các con là P, T1, NLQ1, NLQ2, NLQ3, T, NLQ7, NLQ4 và NLQ8. Hiện thửa 784, 785 đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994 mang tên cha mẹ ông.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 149 và 150 tọa lạc thôn L, xã H theo quy định của pháp luật cho những người thừa kế của cha mẹ ông là Nguyễn Thanh P, Nguyễn Thanh T1, NLQ1, NLQ2, NLQ3, Nguyễn Thanh T, NLQ7, NLQ4 và NLQ8.

Yêu cầu chia tài sản chung đối với thửa đất số 529 và 579 tọa lạc thôn L, xã H cho các người con của cha mẹ ông gồm P, T1, NLQ1, NLQ2, NLQ3, T, NLQ7, NLQ4 và NLQ8.

Theo sơ đồ trích lục bản đồ địa chính ngày 10/6/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận chi nhánh N, ông có nguyện vọng xin nhận thửa 718, diện tích 438m².

Trường hợp thửa 718 ông được nhận diện tích đất ít hơn diện tích các anh chị em được nhận, ông không yêu cầu người nhận đất nhiều hơn phải hoàn lại tiền chênh lệch.

Hiện trên thửa đất 149 có 01 căn nhà cấp 4 của NLQ7, 01 chuồng bò của NLQ3, 02 cây bồ đề tự mọc. Đối với phần tài sản trên thửa 149, ông đề nghị phân tài sản ở trên phần đất của ai thì người đó được nhận, không phải thanh toán tiền lại cho người có tài sản, riêng đối với căn nhà của NLQ7 thì giao cho NLQ7 sử dụng.

Ngoài ra, khi cha mẹ ông còn sống có vay tiền của một số người tổng cộng là 55.000.000đ, số tiền nợ này đã được NLQ8 trả 30.000.000đ và NLQ7 trả 25.000.000đ thay cho cha mẹ ông. Đối với số tiền mà NLQ7, NLQ8 trả thay cho cha mẹ ông thì ông yêu cầu Tòa án khấu trừ vào di sản của cha mẹ và những người được hưởng di sản của cha mẹ có trách nhiệm trả cho NLQ7, NLQ8. Nay NLQ7, NLQ8 yêu cầu chia đều số tiền trên cho 09 người con của ông V bà Đ thì ông đồng ý cùng các anh chị em hoàn trả cho NLQ7, NLQ8 số tiền trên theo quy định.

** Về chi phí, xem xét thẩm định và định giá tài sản, trích lục bản đồ địa chính: Số tiền đã chi phí 7.548.260đ ông yêu cầu chia đều cho các đồng thừa kế.*

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Thanh P trình bày:

Ông thống nhất toàn bộ lời trình bày của nguyên đơn Nguyễn Thanh T về quan hệ huyết thống, thời điểm cha mẹ chết, hàng thừa kế, khoản nợ và tài sản do cha mẹ chết để lại và đồng ý với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế và chia tài sản chung của hộ gia đình theo yêu cầu của ông T. Về cách chia hiện vật ông đề nghị giải quyết như sau:

Về tài sản: Chia thửa đất số 149 (đất ở trên khô) cho các chị em gái và thửa 150 (đất ở dưới ao) cho các anh em trai. Đối với các thửa đất 529, 579 (đất trồng lúa) chia đều cho các đồng thừa kế và ông xin nhận đất sử dụng.

Trường hợp ông được chia diện tích đất ít hơn diện tích các đồng thừa kế khác, ông không yêu cầu người được nhận đất nhiều hơn phải hoàn lại tiền chênh lệch.

Đối với số nợ của cha mẹ ông đồng ý như lời trình bày của ông T và đồng ý cùng các anh chị em hoàn trả cho NLQ7, NLQ8 theo quy định pháp luật.

Về chi phí, xem xét thẩm định và định giá tài sản, trích lục bản đồ địa chính: ông đề nghị chia đều cho các đồng thừa kế.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ7 và người thừa kế của ông Nguyễn Thanh T1 là NLQ5 và NLQ6 (do bà A là đại diện hợp pháp) cùng trình bày:

Các ông/bà thống nhất với toàn bộ lời trình bày của nguyên đơn Nguyễn Thanh T và bị đơn Nguyễn Thanh P về quan hệ huyết thống, thời điểm cha mẹ chết, hàng thừa kế, khoản nợ, tài sản do cha mẹ chết để lại và đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T. Về việc chia hiện vật, các ông/bà có đề nghị như sau:

Chia thừa đất số 149, 150 (đất ở) và thửa 529, 579 (đất ruộng) cùng tọa lạc thôn L, xã H, huyện N cho tất cả các người con của ông V, bà Đ.

Trường hợp người nào được nhận đất ít hơn người khác, thì không yêu cầu người nhận đất nhiều hơn phải hoàn lại tiền chênh lệch.

Tất cả các ông bà NLQ2, NLQ4, NLQ8, NLQ3, NLQ7 và những người thừa kế của ông Nguyễn Thanh T1 xin được nhận đất.

Quá trình giải quyết vụ án NLQ1 trình bày: Đối với kỹ phần ông được nhận trong thửa đất 149, 150 (đất ở), ông tự nguyện cho NLQ7, riêng phần đất ông được nhận trong thửa đất 529, 579 (đất trồng lúa) ông không nhận hiện vật mà tự nguyện giao kỹ phần của ông được hưởng cho ông NLQ2, đồng thời NLQ2 phải hoàn số tiền tương ứng giá trị tài sản được nhận cho ông.

Tất cả các ông/bà NLQ1, NLQ2, NLQ4, NLQ3 và người thừa kế của ông T1 đều đồng ý hoàn trả lại cho NLQ7, NLQ8 số tiền 55.000.000đ mà NLQ7, NLQ8 đã trả nợ thay cho ông Đ, bà V (trong đó NLQ7: 25.000.000đ, NLQ8: 30.000.000đ).

Về chi phí, xem xét thẩm định và định giá tài sản, trích lục bản đồ địa chính: đề nghị chia đều cho các đồng thừa kế.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập NLQ8, NLQ7 do NLQ8 đại diện trình bày:

Khi còn sống cha mẹ các bà có nợ số tiền 55.000.000đ, số tiền này NLQ8 đã trả 30.000.000đ và NLQ7 trả 25.000.000đ. Nay, các bà yêu cầu các anh, chị, em là người thừa kế của ông V, bà Đ phải có nghĩa vụ trả lại cho các bà số tiền trên theo quy định pháp luật. Đối với phần đất có căn nhà cấp 4 tại thửa 149, các bà xác nhận căn nhà này do NLQ7 bỏ tiền ra xây dựng, đề nghị Tòa án giao phần đất có căn nhà trên cho NLQ7.

Tất cả các ông bà Nguyễn Thanh P, NLQ1, NLQ2, NLQ3, Nguyễn Thanh T, NLQ7, NLQ4, NLQ8 và người thừa kế của ông Nguyễn Thanh T1 đều thống nhất với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và diện tích 105m² đất hạn chế lối đi chung lập ngày 25/10/2018 theo trích lục bản đồ địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận chi nhánh N ký ngày 07/7/2021.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện N quyết định:

Căn cứ các Điều 614; 623; 649; điểm a khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1, 2 Điều 651 và Điều 660 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 3, 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147, 228, 271, 273 và Điều 483 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Công nhận thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Các ông bà Nguyễn Thanh P, NLQ1, NLQ2, NLQ3, Nguyễn Thanh T, NLQ4, NLQ8 phải có nghĩa vụ trả cho NLQ7, mỗi người phải trả 2.777.777 đồng (hai triệu bảy trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

NLQ5 và NLQ6 (không chia phần) phải có nghĩa vụ trả cho NLQ7 số tiền 2.777.777 đồng (hai triệu bảy trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

- Các ông bà Nguyễn Thanh P, NLQ1, NLQ2, NLQ3, Nguyễn Thanh T, NLQ4, NLQ7 phải có nghĩa vụ trả cho NLQ8, mỗi người phải trả 3.333.333 đồng (ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

NLQ5 và NLQ6 (không chia phần) phải có nghĩa vụ trả cho NLQ8 số tiền 3.333.333 đồng (ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

* Tuyên xử:

1. Ông Nguyễn Thanh P được quyền sử dụng thửa đất số 361 (được tách ra từ thửa 150) diện tích 152m² (trong đó có 14,64m² là đất ở nông thôn), thuộc tờ bản đồ số 13d và thửa 726 (được tách ra từ thửa 579) diện tích 410m², thuộc tờ bản đồ số 12 cùng tọa lạc thôn L, xã H, huyện N.

2. Ông Nguyễn Thanh T1 (do NLQ5 và NLQ6 nhận - không chia phần) được quyền sử dụng thửa đất số 364 (được tách ra từ thửa 150) diện tích 152m² (trong đó có 14,64m² là đất ở nông thôn), thuộc tờ bản đồ số 13d và thửa 720 (được tách ra từ thửa 529) diện tích 439m², thuộc tờ bản đồ số 12 cùng tọa lạc thôn L, xã H, huyện N.

3. NLQ2 được quyền sử dụng 03 thửa đất gồm: thửa đất số 362 (được tách ra từ thửa 150) diện tích 152m² (trong đó có 14,64m² là đất ở nông thôn), thuộc tờ bản đồ số 13d và thửa 724 (được tách ra từ thửa 579) diện tích 463m² và thửa 725 (do NLQ1 giao có trả tiền được tách ra từ thửa 579) diện tích 463m², thuộc tờ bản đồ số 12 cùng tọa lạc thôn L, xã H, huyện N.

Buộc NLQ2 phải có nghĩa vụ trả 10.186.000 đồng (mười triệu một trăm tám mươi sáu ngàn đồng) cho NLQ1.

4. NLQ3 được quyền sử dụng thửa đất số 363 (được tách ra từ thửa 150) diện tích 152m² (trong đó có 14,64m² là đất ở nông thôn), thuộc tờ bản đồ số 13d và thửa 719 (được tách ra từ thửa 529) diện tích 439m², thuộc tờ bản đồ số 12 cùng tọa lạc thôn L, xã H, huyện N.

5. Ông Nguyễn Thanh T được quyền sử dụng thửa đất số 360 (được tách ra từ thửa 149) diện tích 110m² (trong đó có 14,64m² là đất ở nông thôn), thuộc tờ bản đồ số 13d và thửa 718 (được tách ra từ thửa 529) diện tích 438m², thuộc tờ bản đồ số 12 cùng tọa lạc thôn L, xã H, huyện N.

6. NLQ7 được quyền sử dụng 03 thửa đất gồm: thửa số 357 (được tách ra từ thửa 149) diện tích 203m² (trong đó có 82,82m² là đất ở nông thôn đã xây dựng nhà ở), thửa đất số 356 (được tách ra từ thửa 149) diện tích 82m² (do NLQ1 tặng cho, trong đó có 14,64m² là đất ở nông thôn), thửa đất số 722 (được tách ra từ thửa 579) diện tích 463m², thuộc tờ bản đồ số 12 cùng tọa lạc thôn L, xã H, huyện N.

7. NLQ4 được quyền sử dụng thửa đất số 359 (được tách ra từ thửa 149) diện tích 109m² (trong đó có 14,64m² là đất ở nông thôn), thuộc tờ bản đồ số 13d và thửa 723 (được tách ra từ thửa 579) diện tích 463m², thuộc tờ bản đồ số 12 cùng tọa lạc thôn L, xã H, huyện N.

8. NLQ8 được quyền sử dụng thửa đất số 358 (được tách ra từ thửa 149) diện tích 110m² (trong đó có 14,64m² là đất ở nông thôn), thuộc tờ bản đồ số 13d và thửa 721 (được tách ra từ thửa 579) diện tích 594m², thuộc tờ bản đồ số 12 cùng tọa lạc thôn L, xã H, huyện N.

Các ông/bà Nguyễn Thanh P, NLQ1, NLQ2, NLQ3, Nguyễn Thanh T, NLQ7, NLQ4, NLQ8 và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thanh T1 đều thống nhất cùng sử dụng chung diện tích 105m² dùng cho lối đi chung cho tất cả các thửa 356, 357, 358, 359, 360, 361, 362, 363 và 364 (được tách ra từ thửa 149 và 150) thuộc tờ bản đồ số 13d tọa lạc thôn L, xã H, huyện N.

Các đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai để làm thủ tục đăng ký theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 08/10/2021, NLQ3 kháng cáo một phần bản án số 09/2021/DS-ST ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện N. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng cho NLQ3 được nhận thửa 360 và ông Nguyễn Thanh T nhận thửa 363 theo trích lục bản đồ địa chính ngày 07/7/2021 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Ninh Thuận chi nhánh N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của bà NLQ3. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không rút yêu cầu độc lập, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan NLQ3 không rút kháng cáo hoặc thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Đơn kháng cáo của NLQ3 hợp lệ nên được xem xét, giải quyết.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết “*Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật; chia tài sản chung của hộ gia đình*” là chưa đầy đủ, Tòa án cấp phúc thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật; Chia tài sản chung của hộ gia đình; Kiện đòi nợ*”.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan NLQ3 có nội dung yêu cầu Hội đồng xét xử giao cho bà thừa đất số 360 và giao cho ông T thừa đất số 363, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, NLQ3 cho rằng hiện nay bà chưa có nhà ở vì vậy bà yêu cầu được nhận thừa 360 là đất khô để làm nhà ở, kháng cáo này của NLQ3 không có cơ sở chấp nhận, bởi: Tại biên bản xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm, Ủy ban nhân dân xã đã xác nhận NLQ3 hiện đã có nhà ở riêng, điều này phù hợp với lời trình bày của NLQ3 tại biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân huyện N, hơn nữa trong hai thửa 360 và 363 đều có phần đất ở nông thôn, việc NLQ3 cho rằng nhận thừa 360 mục đích để làm nhà ở là không có cơ sở, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của NLQ3.

Xét thấy, trên phần đất thừa 360 mà ông T được nhận có 01 chuồng bò bằng cây gỗ tạp của NLQ3, do phần đất này giao cho ông T nên buộc NLQ3 phải tháo dỡ chuồng bò trên phần đất thừa 360 đã giao cho ông T.

Đối với các cây trồng trên các thửa đất tranh chấp, tại biên bản định giá và tại phiên tòa sơ thẩm, các bên đương sự đều không tranh chấp về cây trồng mà đồng ý giao phần cây trồng trên đất cho những người được nhận và không ai phải hoàn tiền, vì vậy Hội đồng cấp sơ thẩm không xem xét phần cây trồng là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà NLQ3, chấp ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo của NLQ3 nên NLQ3 phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Bác toàn bộ kháng cáo của NLQ3. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số

09/2020/DS-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ các Điều 614; 623; 649; điểm a khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1, 2 Điều 651 và Điều 660; 105; 115 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Công nhận thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Các ông, bà Nguyễn Thanh P, NLQ1, NLQ2, NLQ3, Nguyễn Thanh T, NLQ4, NLQ8 mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho NLQ7 2.777.777 đồng (*Hai triệu bảy trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm bảy mươi bảy đồng*).

NLQ5 và NLQ6 (không chia phần) phải có nghĩa vụ liên đới trả cho NLQ7 số tiền 2.777.777 đồng (*Hai triệu bảy trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm bảy mươi bảy đồng*).

- Các ông, bà Nguyễn Thanh P, NLQ1, NLQ2, NLQ3, Nguyễn Thanh T, NLQ4, NLQ7 mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho NLQ8 3.333.333 đồng (*Ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*).

NLQ5 và NLQ6 (không chia phần) phải có nghĩa vụ liên đới trả cho NLQ8 số tiền 3.333.333 đồng (*Ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*).

* Tuyên xử:

1. Ông Nguyễn Thanh P được quyền sử dụng thửa đất số 361 (được tách ra từ thửa 150) diện tích 152m² (trong đó có 14,64m² là đất ở nông thôn), thuộc tờ bản đồ số 13d và thửa 726 (được tách ra từ thửa 579) diện tích 410m², thuộc tờ bản đồ số 12 cùng tọa lạc thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Ông Nguyễn Thanh T1 (do NLQ5 và NLQ6 nhận - không chia phần) được quyền sử dụng thửa đất số 364 (được tách ra từ thửa 150) diện tích 152m² (trong đó có 14,64m² là đất ở nông thôn), thuộc tờ bản đồ số 13d và thửa 720 (được tách ra từ thửa 529) diện tích 439m², thuộc tờ bản đồ số 12 cùng tọa lạc thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. NLQ2 được quyền sử dụng 03 thửa đất gồm: thửa đất số 362 (được tách ra từ thửa 150) diện tích 152m² (trong đó có 14,64m² là đất ở nông thôn), thuộc tờ bản đồ số 13d và thửa 724 (được tách ra từ thửa 579) diện tích 463m² và thửa 725 (do NLQ1 giao có trả tiền được tách ra từ thửa 579) diện tích 463m², thuộc tờ bản

đồ số 12 cùng tọa lạc thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Buộc NLQ2 phải có nghĩa vụ trả 10.186.000 đồng (*Mười triệu một trăm tám mươi sáu ngàn đồng*) cho NLQ1.

4. NLQ3 được quyền sử dụng thửa đất số 363 (được tách ra từ thửa 150) diện tích 152m² (trong đó có 14,64m² là đất ở nông thôn), thuộc tờ bản đồ số 13d và thửa 719 (được tách ra từ thửa 529) diện tích 439m², thuộc tờ bản đồ số 12 cùng tọa lạc thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Buộc NLQ3 phải tháo dỡ chuồng bò tại thửa 360 tờ bản đồ 13d xã Hộ Hải trên phần đất đã giao cho ông Nguyễn Thanh T.

5. Ông Nguyễn Thanh T được quyền sử dụng thửa đất số 360 (được tách ra từ thửa 149) diện tích 110m² (trong đó có 14,64m² là đất ở nông thôn), thuộc tờ bản đồ số 13d và thửa 718 (được tách ra từ thửa 529) diện tích 438m², thuộc tờ bản đồ số 12 cùng tọa lạc thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

6. NLQ7 được quyền sử dụng 03 thửa đất gồm: thửa số 357 (được tách ra từ thửa 149) diện tích 203m² (trong đó có 82,82m² là đất ở nông thôn đã xây dựng nhà ở), thửa đất số 356 (được tách ra từ thửa 149) diện tích 82m² (do NLQ1 tặng cho, trong đó có 14,64m² là đất ở nông thôn), thuộc tờ bản đồ số 13d và thửa 722 (được tách ra từ thửa 579) diện tích 463m², thuộc tờ bản đồ số 12 cùng tọa lạc thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

7. NLQ4 được quyền sử dụng thửa đất số 359 (được tách ra từ thửa 149) diện tích 109m² (trong đó có 14,64m² là đất ở nông thôn), thuộc tờ bản đồ số 13d và thửa 723 (được tách ra từ thửa 579) diện tích 463m², thuộc tờ bản đồ số 12 cùng tọa lạc thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

8. NLQ8 được quyền sử dụng thửa đất số 358 (được tách ra từ thửa 149) diện tích 110m² (trong đó có 14,64m² là đất ở nông thôn), thuộc tờ bản đồ số 13d và thửa 721 (được tách ra từ thửa 579) diện tích 594m², thuộc tờ bản đồ số 12 cùng tọa lạc thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Tất cả các ông, bà: Nguyễn Thanh P, NLQ1, NLQ2, NLQ3, Nguyễn Thanh T, NLQ7, NLQ4, NLQ8 và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Thanh T1 được quyền sử dụng 105m² đất dùng cho lối đi chung cho tất cả các thửa 356, 357, 358, 359, 360, 361, 362, 363 và 364 (được tách ra từ thửa 149 và 150) thuộc tờ bản đồ số 13d tọa lạc thôn L, xã H, huyện N, diện tích 105m² đất dùng làm lối đi chung được xác định theo các điểm A, B, C, D theo trích lục bản đồ ngày 07-7-2021 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh N.

Các đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai để làm thủ tục đăng ký theo quy định của pháp luật.

(Kèm trích lục đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính ngày 10/6/2021 và ngày 07/7/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận chi nhánh N).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về chi phí tố tụng: Các ông, bà Nguyễn Thanh P, NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ7, NLQ4 và NLQ8 phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông T số tiền 838.695 đồng *(Tám trăm ba mươi tám ngàn sáu trăm chín mươi lăm đồng).*

NLQ5 và NLQ6 (không chia phần) phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông T số tiền 838.695 đồng *(Tám trăm ba mươi tám ngàn sáu trăm chín mươi lăm đồng).*

Về án phí: Các ông, bà Nguyễn Thanh P, NLQ1, NLQ2, NLQ3, Nguyễn Thanh T, NLQ7, NLQ4 và NLQ8 mỗi người phải nộp 1.002.000 đồng *(Một triệu lẻ hai ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Thanh T số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* theo Biên lai thu số 0015691 ngày 13/6/2018 và 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo Biên lai thu số 0024651 ngày 07/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Hoàn lại cho NLQ7 số tiền 625.000 đồng *(Sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng)* do NLQ8 nộp thay theo Biên lai thu số 0024744 ngày 26/8/2021 và hoàn lại cho NLQ8 số tiền 750.000 đồng *(Bảy trăm năm mươi ngàn đồng)* theo Biên lai thu số 0024745 ngày 26/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NLQ5 phải nộp 500.000 đồng *(Năm trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

NLQ3 phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003214 ngày 12/10/2021 của Chi cục thi hành án huyện N, tỉnh Ninh Thuận. (NLQ3 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 12/01/2022)./.

Nơi nhận:

- Đương sự (10);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện N (1);
- Chi cục THADS huyện N (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Trần Thị Diệu